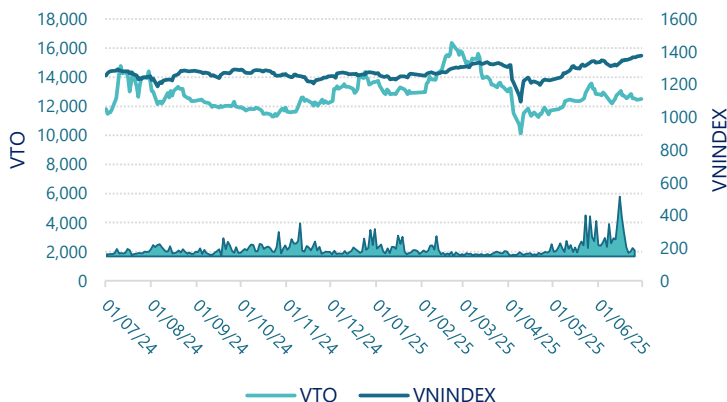




CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (HSX: VTO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,361
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,132
SL cổ phiếu LH	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	301,920
% sở hữu nước ngoài	6.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	998
P/E	9.7
EPS	1,283

DT thuần

Q2/25

259

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0| -9.1%

LN sau thuế

Q2/25

30.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲11.5| 59.8%

YoY: ▲1.20| 4.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

16.3%

+/- YoY: ▲0.2%

DT thuần

6T 2025

544

tỷ VNĐ

YoY: ▲17.0| 3.1%

LN sau thuế

6T 2025

50.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -12.1%

ROE

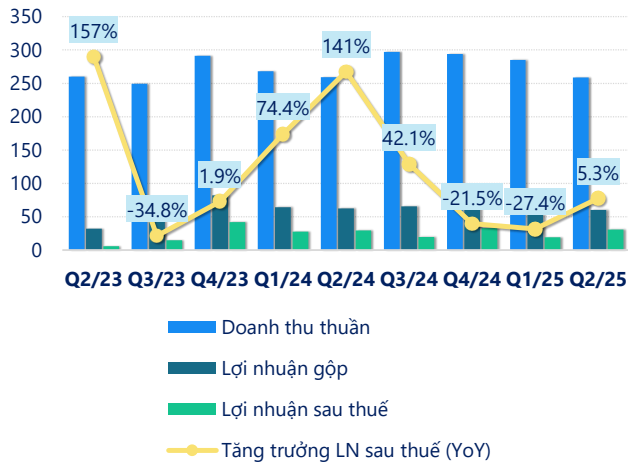
Q2/25

9.2%

+/- YoY: ▼1.1%

tỷ VNĐ

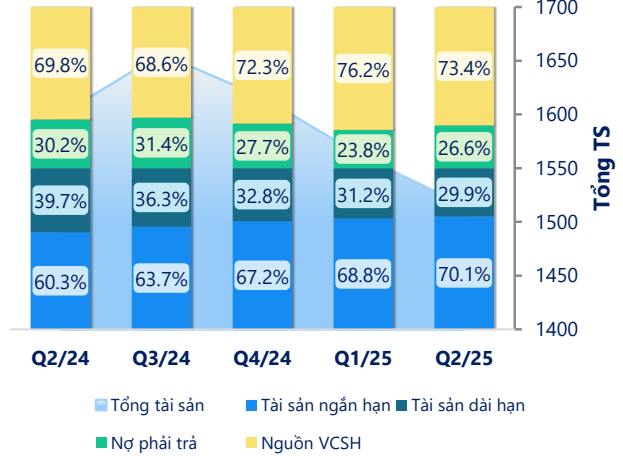
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

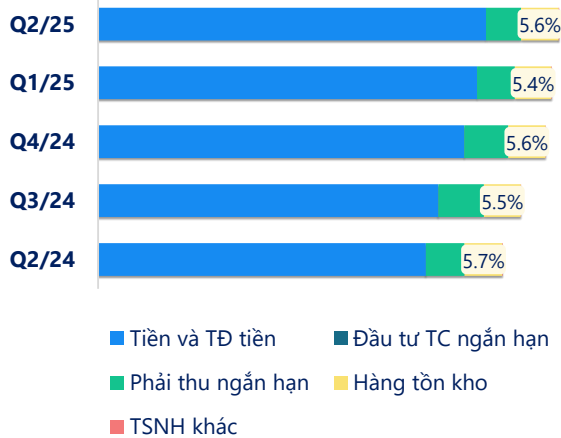
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



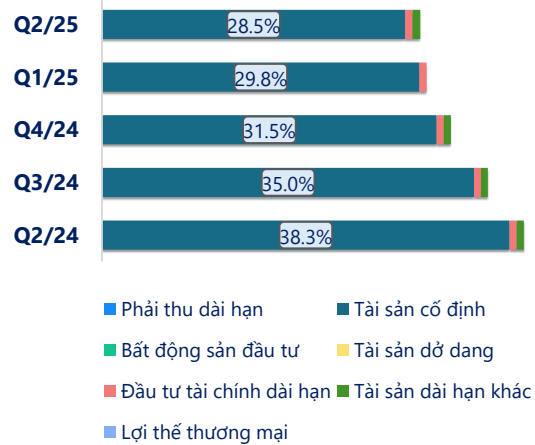
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

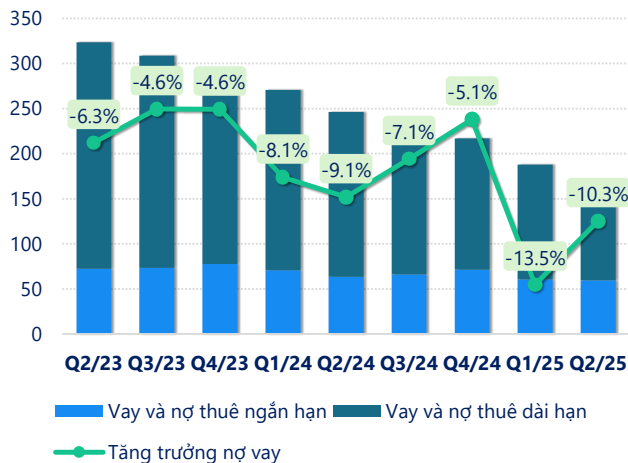
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

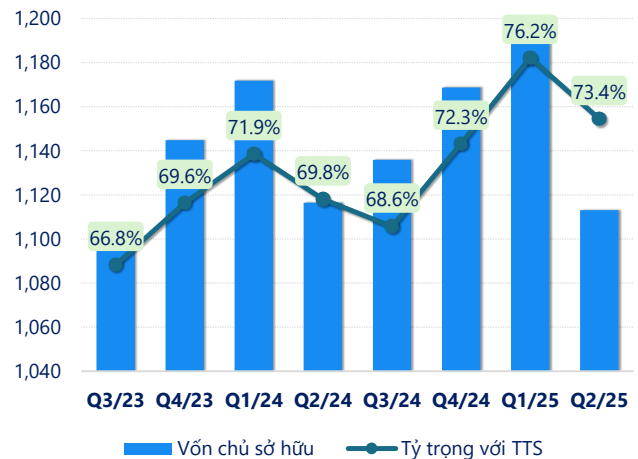
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

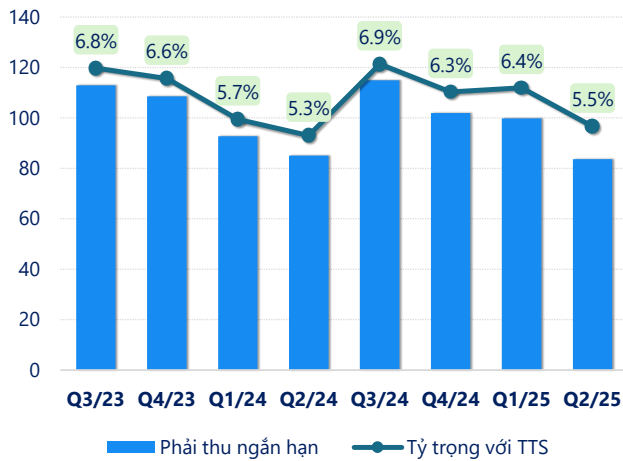
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



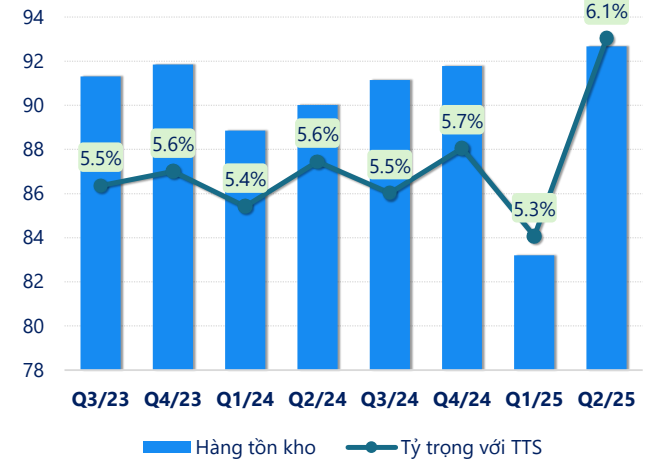
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


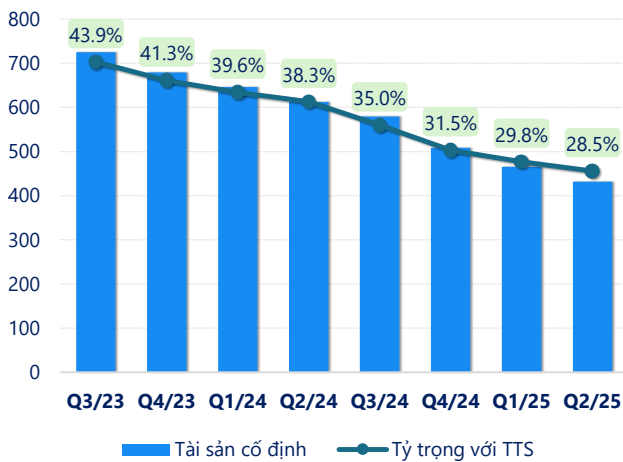
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


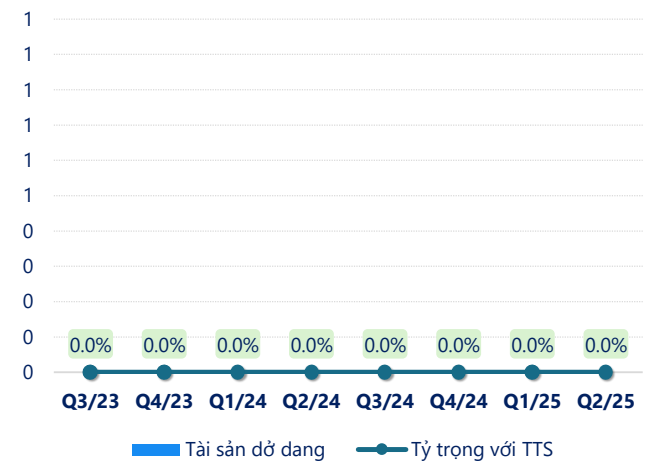
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

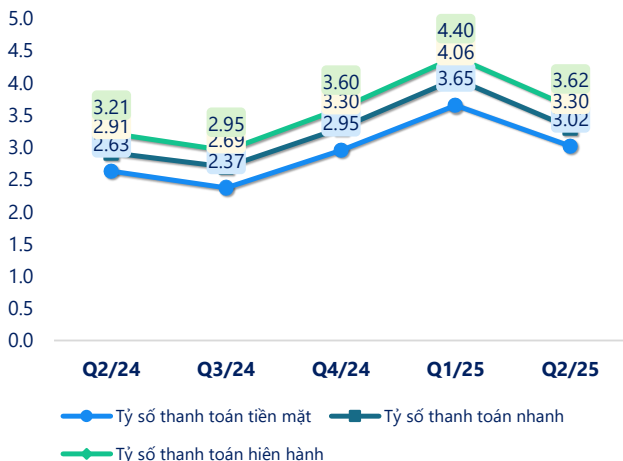
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

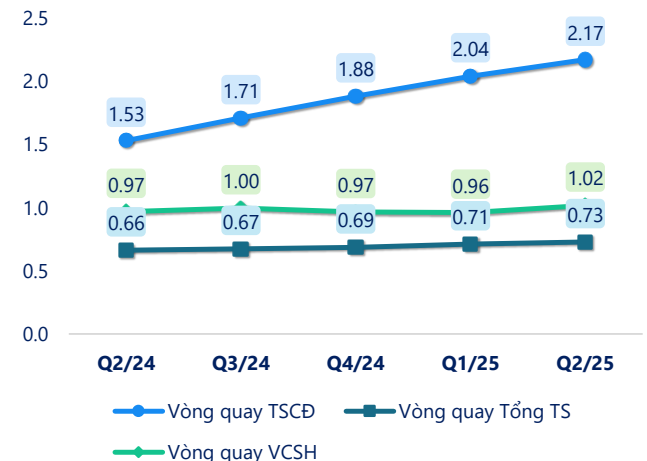
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,599	1,657	1,616	1,561	1,515
Tài sản ngắn hạn	965	1,055	1,086	1,073	1,062
Tiền và tương đương tiền	789	848	891	890	884
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	85.0	115	102	99.8	83.7
Hàng tồn kho	90.0	91.2	91.8	83.2	92.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.10	1.11	1.51	0.09	1.21
Tài sản dài hạn	634	601	530	487	454
Phải thu dài hạn	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Tài sản cố định	613	579	508	465	432
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản dài hạn khác	10.8	10.8	10.8	0	10.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	483	521	447	371	402
Nợ ngắn hạn	300	358	301	244	293
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.5	66.0	71.4	60.5	59.4
Phải trả người bán ngắn hạn	34.6	34.4	30.5	20.8	21.2
Nợ dài hạn	183	163	146	127	109
Vay và nợ thuê dài hạn	183	163	146	127	109
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,116	1,136	1,169	1,189	1,113
Vốn chủ sở hữu	1,116	1,136	1,169	1,189	1,113
Vốn điều lệ	799	799	799	799	799
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)